



MUFG Bank, Ltd.
Ngân Hàng MUFG Bank, Ltd.

Version 09/2024

Mẫu A1
(Form A1)

- ☐ Chi Nhánh Thành phố Hà Nội (Hanoi Branch)
☐ Chi Nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh City Branch)
("Ngân Hàng") (the "Bank")

YÊU CẦU MỞ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG
(REQUEST TO OPEN BANK ACCOUNT)

Mã khách hàng (Customer code)	Số tài khoản (Account No.)	Ngày (Date)
-------------------------------	----------------------------	-------------

CHỦ TÀI KHOẢN
(ACCOUNT HOLDER)

CHÚNG TÔI YÊU CẦU NGÂN HÀNG MỞ (CÁC) TÀI KHOẢN DƯỚI TÊN CỦA CHÚNG TÔI THEO CÁC THÔNG TIN GHI TẠI YÊU CẦU NÀY (WE HEREBY REQUEST THE BANK TO OPEN ACCOUNT(S) UNDER OUR NAME WITH INFORMATION HEREUNDER)

Chúng tôi cam kết những thông tin trong bản Yêu Cầu Mở Tài Khoản Ngân Hàng ("Yêu Cầu") này là hoàn toàn đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản đính kèm. Chúng tôi tại đây cũng xác nhận rằng chúng tôi đã đọc, hiểu và đồng ý chịu ràng buộc bởi các điều khoản của (i) Các Điều Khoản Kinh Doanh Chung của Ngân Hàng và Phụ Lục Quốc Gia Dành Cho Việt Nam và các Phụ Lục đính kèm ("Các Điều Khoản Kinh Doanh Chung"), (ii) Điều Khoản Và Điều Kiện Chung Áp Dụng Cho Các Giao Dịch Ngoại Hối ("Điều Khoản Giao Dịch Ngoại Hối") áp dụng cho các giao dịch ngoại hối được thực hiện với Ngân Hàng (thông qua tài khoản hoặc không thông qua tài khoản mở theo Yêu Cầu này), như được sửa đổi tùy từng thời điểm và được Ngân Hàng đăng trên trang web có địa chỉ tại đường dẫn dưới đây:

We certify that the information declared in this Request to Open Bank Account (the "Request") is truthful and take full responsibility for the accuracy, truthfulness of the documents in the application file for opening accounts enclosed herewith. We hereby also confirm that we have read, understood and agreed to be bound by the terms of (i) the Master Terms of Business For Banking and Vietnam Country Addendum and its attached Annexes ("Master Terms of Business"), (ii) the General Terms and Conditions Applicable to Foreign Exchange Transactions ("Forex Transaction Terms") applied for our foreign exchange transactions executed with the Bank (via or not via accounts opened by this Request), as amended from time to time and posted by the Bank on the website address at the below link:

- (i) <http://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hanoi.html>
(ii) <http://www.bk.mufg.jp/global/globalnetwork/asiaoceania/hochiminhcity.html>

Chúng tôi đồng ý rằng việc cho phép sử dụng hay không và yêu cầu khi sử dụng các phương tiện liên lạc và địa chỉ liên hệ được đăng ký theo đây (bao gồm số điện thoại, số fax, địa chỉ, địa chỉ thư điện tử, v.v.), để thực hiện các giao dịch và trao đổi thông tin, tài liệu giữa chúng tôi và Ngân Hàng, sẽ tuân theo các thỏa thuận hoặc hợp đồng có liên quan được giao kết giữa chúng tôi và Ngân Hàng. (We understand that the permission and requirements for using the communication methods and addresses registered herein (including phone number, fax number, address, email address, etc.) to conduct transactions and exchanges of information and documents between us and the Bank are subject to the relevant terms or agreements between us and the Bank from time to time).

Tình trạng pháp lý (Legal status)	Tình trạng cư trú (Residency status)	Loại tài khoản / Loại tiền (Type of account / Currency)	
☐ Công ty Việt Nam (Vietnamese Company) ☐ Văn phòng đại diện (Representative Office) ☐ Dự án (Project) ☐ Chi nhánh Công ty Việt Nam (Branch of Vietnamese Corporation) ☐ Chi nhánh Công ty nước ngoài (Branch of Offshore Corporation) ☐ Công ty nước ngoài (Offshore Corporation) ☐ Khác (Others)	☐ Cư trú Resident ☐ Không cư trú Non - Resident ☐ Doanh nghiệp chế xuất (EPE) ☐ Doanh nghiệp phi chế xuất (Non - EPE)	☐ Tài khoản (Account) ☐ Thanh toán (Ordinary) ☐ Vay và trả nợ vay nước ngoài (Offshore loan) ☐ Khác (Other) ☐ Đô la Mỹ (US Dollar) ☐ Yên Nhật (Japanese Yen) ☐ Đồng Việt Nam (Vietnam Dong) ☐ Khác (Other)	☐ Tài khoản vốn (Capital account) ☐ Vốn đầu tư trực tiếp (DICA) ☐ Vốn đầu tư gián tiếp (IICA) ☐ Tài khoản vốn khác (Other) ☐ Đô la Mỹ (US Dollar) ☐ Yên Nhật (Japanese Yen) ☐ Đồng Việt Nam (Vietnam Dong) ☐ Khác (Other)

Tên Tài Khoản (Account Name): tối đa 66 ký tự (maximum 66 characters)

☐ Tên Tài Khoản tiếng Anh (Account Name in English) (*)

☐ Tên Tài Khoản tiếng Việt (Account Name in Vietnamese) (*)

(*) Tên Tài Khoản được chọn ở 1 trong 2 ô trên là tên để thể hiện trên tất cả các chứng từ ngân hàng và tài liệu khác mà Ngân Hàng phát hành cho chúng tôi, ngoại trừ hóa đơn GTGT sẽ được phát hành theo tên của chúng tôi phù hợp với quy định của pháp luật. (The selected one out of two Account names mentioned above will be the name stated in bank vouchers and other documents issued by the Bank to us, except VAT invoice which will be issued according to our name in accordance with law).

Tên viết tắt (Abbreviation name) (tối đa 35 ký tự (maximum 35 characters))

☐ Tên viết tắt này được đăng ký trên giấy phép hoặc các tài liệu có giá trị tương đương (This abbreviation name is registered in license / certificate or equivalent documents)

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ hợp pháp

(Registered address/ Legal address)

(tối đa 140 ký tự (maximum 140 characters))

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ hợp pháp tiếng Việt (**)

(Registered address/ Legal address in Vietnamese)

(tối đa 140 ký tự (maximum 140 characters))

(**) chỉ đăng ký khi địa chỉ trụ sở chính / địa chỉ hợp pháp là địa chỉ bằng tiếng Anh. Địa chỉ trụ sở chính / địa chỉ hợp pháp bằng tiếng Việt sẽ được dùng cho mục đích phát hành hóa đơn GTGT. (only register when the registered address / legal address is in English. The registered address / legal address in Vietnamese will be used for the issuance of VAT invoice.)

Địa chỉ gửi thư (Mailing address)

(tối đa 115 ký tự (maximum 115 characters))

Địa chỉ giao dịch (Transaction address)

Mã số thuế

(Tax Identification No.)

Số điện thoại

(Telephone No.)

Số fax

(Fax No.)

(Other info. (Incorporation paper No., organization identification No., website, etc., (if any)):

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(AUTHORIZED REPRESENTATIVE)

☐

Nếu có nhiều hơn 1 (một) Người Đại Diện Hợp Pháp, vui lòng tham chiếu đến trang 3 của Yêu Cầu này *(If there are more than 1 (one) Authorized Representative, please refer to page 3 of this Request)*

Quốc tịch (*Nationality*)

Nghề nghiệp/ Chức vụ (Job/ Title)

Mã số thuế (nếu có) (Tax code (if any))

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD *
(No. of passport / ID card *)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(*Visa No./ Document equivalent to visa (if any)*)

☐ Cư trú (*Resident*) ☐ Không cư trú (*Non - Resident*)

Địa chỉ nơi ở hiện tại (*Current address*)Địa chỉ thường trú (*Permanent address*)Số điện thoại (*Telephone No.*)Địa chỉ thư điện tử (*Email address*)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information / Identification No. of foreigner, information about other nationalities etc.. (if any))

KẾ TOÁN TRƯỞNG / NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(**CHIEF ACCOUNTANT / PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING**)

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Nghề nghiệp/ Chức vụ (Job/ Title)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD*
(No. of passport / ID card*)

Quốc tịch (Nationality)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Nơi cấp
(Issuance place)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(*Visa No./ Document equivalent to visa (if any)*)

- ☐ Cư trú (*Resident*) ☐ Không cư trú (*Non - Resident*)

Địa chỉ nơi ở hiện tại (*Current address*)Địa chỉ thường trú (*Permanent address*)

Số điện thoại (Telephone No.)

Địa chỉ thư điện tử (*Email address*)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, information about other nationalities etc. (if any))

NHỮNG SẢN PHẨM & DỊCH VỤ NGÂN HÀNG MUỐN SỬ DỤNG (REQUIRED BANKING PRODUCTS & SERVICES)

Lưu ý:	Sản phẩm / Dịch vụ (Products / Services)	Số giao dịch ước tính / tháng (Estimated number of transaction / month)	Giá trị giao dịch ước lượng / tháng (Tỷ VND) (Estimated transaction amount / month (Billion VND))
Đây là giá trị giao dịch ước tính và Ngân Hàng sẽ không áp dụng hạn mức giao dịch qua tài khoản (Note: This is estimated transaction amount and the Bank shall not apply any limit for transactions via accounts).	Chuyển tiền đi trong nước (Domestic outward remittance)	☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio
	Nhận tiền về trong nước (Domestic inward remittance)	☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio
	Chuyển tiền đi nước ngoài (Overseas outward remittance)	☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio
	Nhận tiền về từ nước ngoài (Overseas inward remittance)	☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio
	Tiền gửi (gồm cả tiền gửi có kỳ hạn) (Deposit (including fixed deposit))	☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio
		☐ <50 ☐ <100 ☐ <200 ☐ <500 ☐ <1000 ☐ <2000 ☐ <5000 ☐ <10000	☐ <5Bio ☐ <10Bio ☐ <20Bio ☐ <50Bio ☐ <100Bio ☐ <200Bio ☐ <500Bio ☐ <1000Bio ☐ <3000Bio

Đối với chữ ký mẫu của Người Đại Diện Hợp Pháp, Kế Toán Trưởng / Người Phụ Trách Kế Toán và những người được ủy quyền, đề nghị xem Bản Đăng Ký Chữ Ký và (các) bản đăng ký bổ sung (For specimen signatures of the Authorized Representative, Chief Accountant / Person In Charge of Accounting and their authorized persons, please refer to the Signature Registration Form and the supplemental registration(s)).

Trong trường hợp Yêu Cầu này áp dụng cho việc mở thêm tài khoản mới cho Chủ Tài Khoản là khách hàng hiện tại của Ngân Hàng, thì Bản Đăng Ký Chữ Ký là *(In case this Request is to open new account(s) for an Account Holder being an existing customer of the Bank, the Signature Registration Form will be):*

- ☐ Bản Đăng Ký Chữ Ký mới nhất đăng ký tại Ngân Hàng
(The latest Signature Registration Form registered with the Bank)
- ☐ Bản Đăng Ký Chữ Ký mới nhất đăng ký tại Ngân Hàng áp dụng cho tài khoản số _____
(The latest Signature Registration Form registered with the Bank applicable for account No _____)
- ☐ Bản Đăng Ký Chữ Ký đính kèm áp dụng riêng cho tài khoản mở theo Yêu Cầu này
(The attached Signature Registration Form applicable to account opened under this Request only)

Chữ ký Người Đại Diện Hợp Pháp, Họ tên, Chức Vụ
(Signature of the Authorized Representative, Full Name,
Title)

Dấu (nếu có) (Seal (if any))

Phần dành cho Ngân Hàng (For the Bank's use only)

Tổng Giám đốc (HOB)	Phó Tổng GD (DHOB)	Kiểm soát (Checker)
Nhân viên phụ trách (Person in charge)	Xác nhận chữ ký (Signature verified)	

* Vui lòng cung cấp số CMND/CCCD nếu Người Đại Diện Hợp Pháp là người Việt Nam
(Please provide the No. of ID Card if the Authorized Representative is a Vietnamese).

(Trang này chỉ điền trong trường hợp có nhiều hơn 1 (một) Người Đại Diện Hợp Pháp)
(This page is filled in only if there are more than 1 (one) Authorized Representatives)

CÁC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(AUTHORIZED REPRESENTATIVES)

Trong trường hợp Người Đại Diện Hợp Pháp không phải là Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Chủ Tài Khoản thì phải có giấy ủy quyền của Chủ Tài Khoản được ký bởi Người Đại Diện Theo Pháp Luật theo mẫu Ngân Hàng quy định đính kèm với Yêu Cầu này (If the Authorized Representative is not the Legal Representative of the Account Holder, a power of attorney duly issued by the Account Holder and signed by the Legal Representative subject to the template provided by the Bank must be enclosed with this Request).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP 1
(THE 1ST AUTHORIZED REPRESENTATIVE)

Nghề nghiệp/Chức vụ (Job/ Title)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD*
(No. of passport / ID Card*)

Nơi cấp
(Issuance place)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số điện thoại (Telephone No.)

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Quốc tịch
(Nationality)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Cư trú (Resident) KKhông cư trú (Non - Resident)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP 2
(THE 2ND AUTHORIZED REPRESENTATIVE)

Nghề nghiệp/Chức vụ (Job/ Title)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD*
(No. of passport / ID Card*)

Nơi cấp
(Issuance place)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số điện thoại (Telephone No.)

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Quốc tịch
(Nationality)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

☐ Cư trú (Resident) ☐ Không cư trú (Non - Resident)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP 3
(THE 3RD AUTHORIZED REPRESENTATIVE)

Nghề nghiệp/Chức vụ (Job/ Title)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD*
(No. of passport / ID Card*)

Nơi cấp
(Issuance place)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số điện thoại (Telephone No.)

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Quốc tịch
(Nationality)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

☐ Cư trú (Resident) ☐ Không cư trú (Non - Resident)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

Chữ ký Người Đại Diện Hợp Pháp 1, Họ tên, Chức Vụ (Signature of the 1st Authorized Representative, Full Name, Title)

Chữ ký Người Đại Diện Hợp Pháp 2, Họ tên, Chức Vụ (Signature of the 2nd Authorized Representative, Full Name, Title)

Chữ ký Người Đại Diện Hợp Pháp 3, Họ tên, Chức Vụ (Signature of the 3rd Authorized Representative, Full Name, Title)

Vui lòng ký chữ ký giống hộ chiếu (nếu có)
(Please sign same as your passport's signature (if any))

Vui lòng ký chữ ký giống hộ chiếu (nếu có)
(Please sign same as your passport's signature (if any))

Vui lòng ký chữ ký giống hộ chiếu (nếu có)
(Please sign same as your passport's signature (if any))

* Vui lòng cung cấp số CMND/CCCD nếu Người Đại Diện Hợp Pháp là người Việt Nam
(Please provide the No. of ID Card if the Authorized Representative is a Vietnamese).

(Trang này chỉ điền trong trường hợp có Người Được Ủy Quyền được đăng ký ở Bản Đăng Ký Chữ Ký)*
(This page is filled in only if there are Authorized Persons registered under Signature Registration Form)*

CÁC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(AUTHORIZED PERSONS)

Người Được Ủy Quyền có nghĩa là những người có tên và mẫu chữ ký đăng ký tại Nhóm 1 của Bản Đăng Ký Chữ Ký, ngoại trừ Người Đại Diện Hợp Pháp (Authorized Persons means those whose name and signature specimens are registered in Group 1 of the Signature Registration Form, except for the Authorized Representatives).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN 1 (THE 1ST AUTHORIZED PERSON)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Nghề nghiệp/ Chức vụ
(Job/ Title)

Quốc tịch
(Nationality)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD **
(No. of passport /ID card**)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Nơi cấp
(Issuance place)

☐ Cư trú (Resident)

☐ Không cư trú (Non - Resident)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số Điện Thoại (Telephone No.)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN 2 (THE 2ND AUTHORIZED PERSON)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Nghề nghiệp/ Chức vụ
(Job/ Title)

Quốc tịch
(Nationality)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD **
(No. of passport /ID card**)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Nơi cấp
(Issuance place)

☐ Cư trú (Resident)

☐ Không cư trú (Non - Resident)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số Điện Thoại (Telephone No.)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN 3 (THE 3RD AUTHORIZED PERSON)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Nghề nghiệp/ Chức vụ
(Job/ Title)

Quốc tịch
(Nationality)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD **
(No. of passport /ID card**)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Nơi cấp
(Issuance place)

☐ Cư trú (Resident)

☐ Không cư trú (Non - Resident)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số Điện Thoại (Telephone No.)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN 4 (THE 4TH AUTHORIZED PERSON)

Ngày tháng năm sinh
(Date of birth)

Nghề nghiệp/ Chức vụ
(Job/ Title)

Quốc tịch
(Nationality)

Số Hộ chiếu / CMND / CCCD **
(No. of passport /ID card**)

Ngày cấp
(Issuance date)

Ngày hết hạn
(Expiry date)

Nơi cấp
(Issuance place)

☐ Cư trú (Resident)

☐ Không cư trú (Non - Resident)

Số thị thực/ Giấy tờ tương đương thị thực (nếu có)
(Visa No./ Document equivalent to visa (if any))

Mã số thuế (nếu có)
(Tax code (if any))

Địa chỉ nơi ở hiện tại
(Current address)

Địa chỉ thường trú
(Permanent address)

Số Điện Thoại (Telephone No.)

Địa chỉ thư điện tử (Email address)

Thông tin khác (Số định danh người nước ngoài, thông tin về các quốc tịch còn lại,...nếu có):
(Other information (Identification No. of foreigner, Information about other nationalities etc., (if any))

* Trang này là một phần không thể tách rời của Yêu Cầu Mở Tài Khoản Ngân Hàng (This page is an integral part of the Request to Open Bank Account)

** Vui lòng cung cấp số CMND/CCCD nếu Người Được Ủy Quyền là người Việt Nam (Please provide the No. of ID Card if the Authorized Person is a Vietnamese).